

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng		
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							2 100		2 100			
1	ĐT TM & DV	16/5	1020/4	23/5	BN 0869	CUC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN ĐN-CS	
2	CẦU ĐUÔNG	20/5	1327/5	27/5	HN 2187	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN TN	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							15 144		15 144			
1	THAN MIỀN NAM	19/5	1073/4	26/5	THANH TÙNG 01	CUC 1B	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-CS	
2	XNK THAN	19/5	1078/4	26/5	BN 2519	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS	
3	DV VT QUẢNG NINH	18/5	1132/4	25/5	BN 0937	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS	
4	THAN UÔNG BÌ	16/5	1176/4	23/5	BN 1883	CUC 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS	
5	TRƯỜNG ANH 888	14/5	1146/5	21/5	BN 2056	CUC 1B	1 072		1 072		TD	NGUỒN ĐN-CS	
6	CROMIT THANH HÓA	19/5	1177/4	26/5	NB 8530	CUC 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS	
7	XDCN MỎ	19/5	1179/4	26/5	BN 0719	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS	
8	CẦU ĐUÔNG	20/5	1328/5	27/5	BN 2228	CUC 1B	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS	
9	CROMIT	15/5	1308/5	22/5	BN 1386	ĐON 8C	1 100		1 100		TD	NGUỒN HL	
10	MV YANGZE 901	20/5	2 534		QN 8698	TNK ÚC	3 372		3 372			CHUYÊN VÙNG	
11	MV YANGZE 901	20/5	2 534		CỬA ÔNG 16	TNK ÚC	2 100		2 100			CHUYÊN VÙNG	
III	KHO BẢO NGUYỄN							2 390	-	2 390			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>												
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							2 390		2 390			
1	ĐIỀN PHẢ LẠI	18/5	331/5	31/5	2 TĐ 115	CÁM 5B.14	2 390		2 390		HỘ LỚN		
IV	KHO CẢNG KM6							11 011	5 528	5 483			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							5 611	5 528	83			
1	NHÔM ĐÁK NÔNG	19/5	1 322	29/5	VTT 09	CÁM 5A.1	1 750	1 748	2	20/5	BAUXIT		
2	NHÔM ĐÁK NÔNG	19/5	1 322	29/5	VTT 09	CUC 4A.2	1 400	1 358	42	20/5	BAUXIT		
3	KVDB	19/5	1 321	29/5	VIỆT NHẬT 18	CÁM 6A.1	2 461	2 422	39	20/5	CHUYÊN VÙNG		
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							5 400		5 400			
1	NHÔM LÂM ĐỒNG	19/5	1 324	29/5	HOÀNG ANH 668	CÁM 5A.1	2 400		2 400		BAUXIT		
2	NHÔM LÂM ĐỒNG	19/5	1 324	29/5	HOÀNG ANH 668	CUC 4A.2	1 850		1 850		BAUXIT		
3	DV VT QUẢNG NINH	15/5	1 310	22/5	HP 5097	ĐON 8A	1 150		1 150		TD	NGUỒN QH	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>												
V	TÀU XUẤT KHẨU							81 500	22 849	58 651			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>												

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THÔNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 20 THÁNG 5 NĂM 2026

STT	Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>						30 000	22 849	7 151		
1	SINGAPORE	13/5	43/5/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG V.26032	CUC 5B.2	25 000	19 330	5 670	RÓT DỖ	THAY 37/5/XK
2	HÀN QUỐC	05/5	39/5/XK		MV AKIMOTO	CUC 4A.3	5 000	3 519	1 481	RÓT DỖ	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						51 500		51 500		
1	NHẬT BẢN	14/5	44/5/XK		MV JIN ZE	CUC 4A.1	500		500		
2	INDONESIA	16/5	45/5/XK		MV HUAN YA 1	CUC 5B.2	18 000		18 000		
3	NHẬT BẢN	20/5	46/5/XK		MV CLIPPER MEDWAY	CÁM 1	33 000		33 000		
VI	TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				73 000	-	73 000		
	<i>Tàu đã làm hàng</i>										
	<i>Tàu dự kiến rót trong ngày</i>										
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>						73 000		73 000		
1	LÀO		CLM		TRƯỜNG NGUYỄN OCEAN		5 000		5 000		TTCO: 5.000
2	ÚC		TMB		MV YUE DIAN 83		10 000		10 000		TTCO: 10.000
3	ÚC		TMB		MV YANGZE 901		30 000		30 000		TTCO: 15.000 - KVCP: 15.000
4	MOZAMBIQUE		CLM		MV XIAO MAY		10 000		10 000		KVCP: 10.000
5	LÀO		TMB		VTA POSEIDON		8 000		8 000		TTCO: 5.000 - KVCP: 3.000
6	ÚC		CLM		AQUAGEM		10 000		10 000		KVCP: 10.000